

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/8/2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Thị Viết

Ông Hồ Công Luận

-Thư ký phiên toà: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1988, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cư trú tại số 17 đường H, khối phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989, vắng mặt.

Cư trú tại thôn B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hoà giải được. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể

tiếp tục cuộc sống chung với anh T được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: chị và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Phạm Tùng C, sinh ngày 28/9/2014. Nguyên vọng của chị sau ly hôn là trực tiếp nuôi dưỡng cháu C đến 18 tuổi, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Mặc dù, có mặt tại nơi cư trú nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình, không đến Tòa án làm việc, cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ thu thập được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP không công nhận chị Phạm Thị Hồng V và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Phạm Tùng C, sinh ngày 28/9/2014 cho chị V nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa; còn nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V, anh T là đúng quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Hồng V và anh Nguyễn Minh T chung sống như vợ chồng vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên chị V và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị V

không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa nên chị xin ly hôn với anh T.

Tuy nhiên, trường hợp chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn của chị V và anh T thì Tòa án không giải quyết cho ly hôn mà không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng quy định tại các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

[3]. Về nuôi con: chị V và anh T có một người con chung là cháu Nguyễn Phạm Tùng C, sinh ngày 28/9/2014. Xét thấy cháu Nguyễn Phạm Tùng C là con gái và đang ở độ tuổi mẫu giáo cần sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ và hiện nay cháu C đang sinh sống với chị V nên giao cháu C cho chị V nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi của con. Anh T không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị V yêu cầu mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là cao so với khả năng thu nhập thực tế của anh T, cũng như mức sống trung bình tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các bên theo quy định tại Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng V và anh Nguyễn Minh T.

Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Phạm Tùng C, sinh ngày 28/9/2014 cho chị Phạm Thị Hồng V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Phạm Thị Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nếu anh Nguyễn Minh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0018625 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị V đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS h.T;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

